

Lịch 2026

Năm Bính Ngo · ngày lễ theo Bộ luật Lao động 2019 và Nghị quyết 28/2026/QH16, lịch nghỉ của công chức · tuần bắt đầu Chủ nhật

13 ngày lễ và nghỉ bù · 249 ngày công

Vòng tròn: ngày lễ, nghỉ bù · Nét đứt: tham khảo

Ồ vuông: nghỉ hoán đổi · Gạch trên: làm bù

Ồ xám: Chủ nhật, ngày lễ

Tháng 1

21 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				①	②	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Tháng 2

15 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	⑩	⑪	⑫	⑬	⑭	21
22	23	24	25	26	27	28

Tháng 3

22 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

Tháng 4

20 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
⑥	⑦	28	29	⑩		

Tháng 5

20 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					①	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

Tháng 6

22 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

Tháng 7

23 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

Tháng 8

21 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	⑩					

Tháng 9

20 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		①	②	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Tháng 10

22 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Tháng 11

20 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	⑫	25	26	27	28
29	30					

Tháng 12

23 ngày công

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

Ngày lễ

- ① T5 1/1 **Tết Dương lịch**
② T6 2/1 **Nghỉ hoán đổi Tết Dương lịch** (tham khảo)
⑩ T7 10/1 **Làm bù Tết Dương lịch** (tham khảo)
⑩ T2 16/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑪ T3 17/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑫ T4 18/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑬ T5 19/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑭ T6 20/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
⑮ CN 26/4 **Giỗ Tổ Hùng Vương**

- ⑮ T2 27/4 **Nghỉ bù Giỗ Tổ Hùng Vương**
⑮ T5 30/4 **Ngày Chiến thắng**
① T6 1/5 **Ngày Quốc tế Lao động**
⑮ T7 22/8 **Làm bù Quốc khánh** (tham khảo)
⑮ T2 31/8 **Nghỉ hoán đổi Quốc khánh** (tham khảo)
① T3 1/9 **Quốc khánh** (tham khảo)
② T4 2/9 **Quốc khánh**
⑮ T3 24/11 **Ngày Văn hóa Việt Nam**